

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 18-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm
2. Ông Lương Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 174/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị C, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương

Bị đơn:

Ông Lê Văn H, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ thường trú: 46 tổ 10, khu phố 7, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ nơi ở: Khu phố 3, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2022, nguyên đơn bà Phan Thị C có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng ông H và bà H có vay của C 800.000.000 đồng, việc vay này có làm giấy vay tiền, ông H và bà H có ký tên và lẫn tay. Ngày vay là ngày 18.3.2022, thời hạn trả tiền là vào ngày 18/5/2022. Tuy nhiên có thỏa thuận là khi cần lấy lại tiền thì bà C thông báo cho ông H và bà H trước 03 ngày thì vợ chồng ông H, bà H phải trả cho bà C 800.000.000 đồng trước hạn. Khi vay tiền vợ chồng ông H nói là vay tiền của bà C làm ăn để lấy vốn cho người khác cầm cố đất đai, sổ đỏ. Khi cho vay thì ông H và bà H có nói là trả lãi cho bà C là 4%/tháng tức mỗi tháng là 32.000.000 đồng tiền lãi. Bà C nói với vợ chồng ông H là chỉ cần trả tiền lãi cho bà C cao hơn mức lãi suất cho vay của ngân hàng tức mỗi tháng 1% là được. Hai bên có trao đổi về tiền lãi như vậy nhưng không ghi cụ thể vào giấy vay tiền mà chỉ ghi đến thời hạn trả tiền thì vợ chồng ông H trả cho bà C tiền gốc và lãi suất.

Vay được 10 ngày tức đến ngày 28/3/2022 bà H gặp và xin bà C miễn tiền lãi cho vợ chồng bà H vì vợ chồng bà H làm ăn gặp khó khăn không trả nổi tiền lãi. Bà C đồng ý không lấy tiền lãi của vợ chồng bà H nhưng vợ chồng bà H phải trả lại 800.000.000 đồng cho bà C. Bà C nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà H trả tiền nhưng vợ chồng bà H hứa bán nhà, đất trả nhưng không trả do đó bà C khởi kiện ông H và bà H yêu cầu ông H và bà H phải trả cho bà C 800.000.000 đồng tiền gốc và 02 tháng tiền lãi 1%/tháng x 800.000.000 đồng là 16.000.000 đồng. Tổng số tiền bà C yêu cầu ông H và bà H phải trả là 816.000.000 đồng. Ông H và bà H có nghĩa vụ trả nợ cho bà C nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H có ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Do có quan hệ quen biết nên vợ chồng ông H và bà H có vay của bà Phan Thị C 800.00.000 đồng, việc vay này có làm giấy vay tiền, ông H và bà H có ký tên và lẫn tay. Ngày vay là ngày 18.3.2022, thời hạn trả tiền là vào ngày 18/5/2022. Tuy nhiên có thỏa thuận là khi cần lấy lại tiền trước hạn thì bà C thông báo cho ông H và bà H trước 03 ngày.

Khi vay tiền của bà C thì vợ chồng ông H và bà H có nói là trả lãi cho bà C là 4%/tháng tức mỗi tháng là 32.000.000 đồng tiền lãi. Hai bên có trao đổi về tiền lãi như vậy nhưng không ghi cụ thể vào giấy vay tiền mà chỉ ghi đến thời hạn trả tiền thì vợ chồng ông H trả cho bà C tiền gốc và lãi suất.

Vay được 10 ngày tức đến ngày 28/3/2022 bà H gặp và xin bà C miễn tiền lãi cho vợ chồng bà H vì vợ chồng bà H làm ăn gặp khó khăn không trả nổi tiền lãi, còn tiền nợ gốc thì vợ chồng bà H sẽ thu xếp bán nhà trả cho bà C khi đến hạn. Tuy nhiên bà C không chịu mà yêu cầu vợ chồng bà H phải trả ngay tiền gốc cho bà C. Do làm ăn thua lỗ và cũng bị người khác nợ hơn 2.000.000.000 đồng nên vợ chồng bà H, ông H không có tiền trả lại cho bà C. Bà C nhiều lần gặp vợ chồng ông H, bà H yêu cầu trả 800.000.000 đồng nhưng nhà chưa bán được nên vợ chồng ông H, bà H chưa có tiền trả cho bà C. Vợ chồng ông H, bà H chưa trả một đồng tiền lãi nào cho bà C.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu như vậy thì vợ chồng ông H, bà H có ý kiến như sau: Ông H và bà H đồng ý trả cho bà C 800.000.000 đồng. Còn về tiền lãi bà C yêu cầu thì ông H và bà H không đồng ý trả cho bà C vì hiện nay vợ chồng ông H đến tiền ăn còn không có. Về án phí dân sự sơ thẩm ông H và bà H không đồng ý chịu, bà C là người đi kiện thì bà C phải chịu.

Đại diện Viện Kiểm sát có ý kiến:

Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các bị đơn đều thống nhất có nợ nguyên đơn 800.000.000 đồng tiền vay chưa trả dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu. Do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với tiền nợ gốc 800.000.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tiền lãi nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và lãi suất cụ thể không được ghi trong giấy vay mượn tiền. Theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ. Như vậy lãi suất theo quy định là 10% một năm, mỗi tháng là 0,833%/tháng. Bà C yêu cầu lãi suất mỗi tháng là 1% là cao hơn mức lãi suất quy định, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật các bên tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nội dung:

Các đương sự bà C, ông H và bà H đều thống nhất ngày 18/3/2022 ông H và bà H có vay của bà C 800.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng đến ngày 18/5/2022 ông H và bà H phải trả cho bà C số tiền trên. Tuy nhiên khi muốn lấy lại số tiền vay thì bà C sẽ báo trước cho ông H và bà H 03 ngày để ông H và bà H trả nợ. Việc vay tiền này các bên có ký kết giấy vay mượn tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự đều thống nhất bà C đã nhiều lần thông báo cho bị đơn và yêu cầu bị đơn phải trả 800.000.000 đồng tiền nợ gốc nhưng bị đơn chưa thanh toán. Tại phiên tòa các bị đơn thừa nhận có nợ và đồng ý trả cho nguyên đơn 800.000.000 đồng tiền nợ gốc nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc các bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền trên.

Xét yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và lãi suất cụ thể không được ghi trong giấy vay mượn tiền ngày 18/3/2022 và tại phiên tòa bị đơn không đồng ý trả

tiền lãi cho nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 470 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ. Như vậy lãi suất theo quy định là 10% một năm, mỗi tháng là 0,833%/tháng. Bà C yêu cầu lãi suất mỗi tháng là 1% với số tiền lãi là 16.000.000 đồng (02 tháng x 1% tháng x 800.000.000 đồng = 16.000.000 đồng) là cao hơn mức lãi suất quy định. Do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi của bà , các bị đơn ông H và bà H phải trả cho bà C 13.333.333 đồng (tiền lãi được tính như sau: từ ngày vay tiền 18/3/2022 đến ngày xét xử 18/5/2022 là 02 tháng x 0,833%/tháng x 800.000.000 đồng = 13.333.333 đồng). Số tiền lãi còn lại là 2.666.667 đồng bà C yêu cầu các bị đơn thanh toán là không có căn cứ và không được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H, bà H phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho bà Cao.

Bà C phải chịu án phí đối với số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát về nội dung là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị C đối với bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H về việc : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Phan Thị C số tiền 813.333.333 đồng (tám trăm mười ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại cơ quan thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị C đối với bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông H và bà H phải trả 2.666.667 đồng tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị H liên đới phải chịu 36.399.999 đồng (ba mươi sáu triệu ba trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

Bà Phan Thị C phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005071 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà C được nhận lại 300.000 đồng.

Nguyên đơn; bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thế Thị Ngọc Anh